TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:93/2017/DS-ST
Ngày:18-12-2017.
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Võ Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: không tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:217/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:87/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Quang L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị A, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt anh L, bà A)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có ý kiến như sau:

* Nguyên đơn anh Nguyễn Quang L trình bày: Anh có tham gia 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị A làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 1.000.000đồng/phần, khui vào ngày 10/11/2014 (âm lịch), hụi một tháng khui một lần, gồm 31 phần, anh tham gia 02 phần, anh chưa hốt hụi, đã đóng hụi đến khi hụi mãn tháng 4 năm 2017 được 29 kỳ nhưng bà A không giao tiền hốt hụi cho anh. Dây hụi này bà A còn nợ anh số tiền 58.000.000đồng

(1.000.000đồng x 29 kỳ x 02 phần) trừ tiền huê hồng cho thảo hụi 1.000.000đồng còn lại 57.000.000đồng.

Dây 2: Hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khui vào ngày 10/6/2016 (âm lịch), hụi một tháng khui một lần, gồm 32 phần, anh tham gia 01 phần, anh chưa hốt hụi, đóng hụi được 11 kỳ thì hụi bể. Dây hụi này bà A còn nợ anh số tiền hụi anh đã góp là 7.000.000đồng.

Dây 3: Hụi 2.000.000đồng/phần, hụi khui vào ngày 10/6/2016 (âm lịch), hụi một tháng khui một lần, gồm 32 phần, anh tham gia 02 phần, anh chưa hốt hụi, đóng hụi được 11 kỳ thì hụi bể. Dây hụi này bà A còn nợ anh số tiền hụi anh đã góp là 30.000.000đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi bà A nợ anh số tiền 94.000.000đồng (57.000.000đồng + 7.000.000đồng + 30.000.000đồng) nhưng bà A chỉ trả anh 31.863.000đồng, số tiền còn lại 62.137.000đồng đến nay không trả.

Ngoài ra, ngày 25/8/2016 (dương lịch), anh có cho bà A vay số tiền 10.000.000đồng, lãi suất 6%/tháng. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay bà A không đóng lãi. Anh đã nhiều lần yêu cầu bà A trả lại số tiền gốc 10.000.000đồng nhưng bà A cứ hứa và kéo dài đến nay không trả.

Nay anh yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả cho anh số tiền hụi tính số chẵn là 62.000.000đồng và số tiền vay 10.000.000đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà thừa nhận toàn bộ quá trình tham gia hụi như anh L trình bày là đúng. Đối với dây hụi khui ngày 10/11/2014 (âm lịch), bà thừa nhận anh L là người hốt hụi chót, số tiền hốt hụi là 58.000.000đồng trừ tiền huê hồng cho thảo hụi 1.000.000đồng còn lại 57.000.000đồng nhưng vì hoàn cảnh của bà hiện nay quá khó khăn nên bà chỉ đồng ý trả cho anh L số tiền hụi của dây hụi này là 48.000.000đồng. Đối với hai dây hụi còn lại bà thừa nhận và đồng ý với ý kiến của anh L về số tiền hụi bà còn nợ anh L của hai dây hụi này là 37.000.000đồng. Tổng cộng số tiền hụi bà nợ anh L là 85.000.000đồng (48.000.000đồng + 7.000.000đồng + 30.000.000đồng), bà đã trả được 31.863.000đồng, còn nợ anh L 53.173.000đồng. Ngoài ra bà thừa nhận có vay của anh L 10.000.000đồng đến nay chưa trả. Nay bà đồng ý trả anh L số tiền hụi và số tiền vay tổng cộng 63.173.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng, bắt đầu trả từ tháng 11 năm 2018 (dương lịch) cho đến khi trả hết số nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Quang L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu bà A trả số tiền hụi là 62.000.000đồng và số tiền vay 10.000.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị A thừa nhận còn nợ anh L số tiền hụi 53.173.000đồng và số tiền vay 10.000.000đồng, bà đồng ý trả anh L số tiền hụi 53.173.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng, bắt đầu trả từ tháng 11 năm 2018 (dương lịch); bà đồng ý trả anh L số tiền vay 10.000.000đồng

nhưng xin trả dần, cụ thể là tháng 6/2018 (dương lịch) trả 3.500.000đồng, tháng 8/2018 (dương lịch) trả 3.500.000đồng và tháng 10/2018 (dương lịch) trả 3.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Quang L yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả cho anh số tiền hụi 62.000.000đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi, thời điểm phát sinh thỏa thuận góp hụi là năm 2014, năm 2016 và việc góp hụi được thực hiện đến năm 2017 mới kết thúc nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi. Ngoài ra, anh Nguyễn Quang L yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả cho anh số tiền vay 10.000.000đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thời điểm phát sinh và thực hiện hợp đồng vay tài sản là tháng 8 năm 2016 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn bà Nguyễn Thị A có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quang L yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả số tiền hụi 62.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận góp hụi giữa hai bên không có xác lập hợp đồng bằng văn bản, chỉ có giấy hụi nhưng được hai bên thống nhất thừa nhận có thỏa thuận về thời gian mở hụi, loại hụi, số tiền góp hụi và số tiền còn nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng góp hụi giữa anh Nguyễn Quang L và bà Nguyễn Thị A là có thật. Đối với dây hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khui vào ngày 10/11/2014 (âm lịch), hụi gồm 31 phần, anh L tham gia 02 phần, bà A thừa nhận anh L chưa hốt hụi, đã đóng hụi đến khi mãn hụi là 29 kỳ, thừa nhận anh L là người được hốt hụi chót với số tiền hốt hụi là 58.000.000đồng (1.000.000đồng x 29 kỳ x 02 phần) trừ tiền huê hồng thảo hụi 1.000.000đồng nên anh L yêu cầu bà A trả số tiền hụi còn nợ của dây hụi này 57.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với hai dây hụi còn lại bà A thừa nhận còn nợ anh L số tiền hụi là 37.000.000đồng nên anh L yêu cầu bà A trả số tiền hụi còn nợ của hai dây hụi này là 37.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, tổng số tiền hụi bà A phải trả cho anh L là 94.000.000đồng. Anh L và bà A thống nhất số tiền hụi bà A đã trả cho anh L là 31.863.000đồng nên bà A còn phải trả cho anh L số tiền hụi 62.173.000đồng (94.000.000đồng –

31.863.000đồng), tuy nhiên anh L chỉ yêu cầu bà A trả số tiền hụi tính chẵn là 62.000.000đồng là có lợi cho bà A. Căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả số tiền hụi 62.000.000đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quang L yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả số tiền vay 10.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền tuy không có xác lập hợp đồng bằng văn bản, chỉ có giấy nợ viết tay nhưng được hai bên thống nhất thừa nhận có thỏa thuận vay tiền, thống nhất số tiền còn nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa anh Nguyễn Quang L và bà Nguyễn Thị A là có thật. Bà A thừa nhận có vay của anh L số tiền 10.000.000đồng chưa trả nên yêu cầu của anh L là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả số tiền vay 10.000.000đồng.

[4] Về phương thức trả tiền, thời hạn trả tiền: Anh Nguyễn Quang L yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả một lần toàn bộ số tiền hụi 62.000.000đồng và số tiền vay 10.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy bà A đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi và vi phạm nghĩa vụ của người vay, anh L đã nhiều lần yêu cầu bà A trả tiền hụi và tiền vay nhưng bà A trả tiền không đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh L nên anh L yêu cầu bà A thực hiện trả tiền hụi và tiền vay một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về ý kiến của bị đơn: Bà Nguyễn Thị A cho rằng hoàn cảnh khó khăn nên đối với dây hụi khui ngày 10/11/2014 (âm lịch) bà chỉ đồng ý trả anh anh L số tiền hụi 48.000.000đồng là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ bà thừa nhận anh L là người được hốt hụi chót trong dây hụi này nên bà phải có nghĩa vụ giao đủ số tiền hốt hụi cho anh L và việc bà A xin trả số tiền vốn hụi trong dây hụi này cũng không được anh L chấp nhận. Ngoài ra, bà A xin trả dần số tiền hụi và tiền vay nhưng không được anh L đồng ý và cũng không phù hợp quy định của pháp luật nên ý kiến này cũng không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quang L, bà Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang L.

- Buộc bà Nguyễn Thị A trả cho anh Nguyễn Quang L số tiền hụi 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) và số tiền vay 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày anh Nguyễn Quang L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị A chậm thi hành việc trả tiền thì bà A còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị A phải chịu 3.600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Quang L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Quang L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.313.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 18896 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương